

Số: 04 /TB - TTPTQĐ

Krông Ana, ngày 30 tháng 7 năm 2020

### THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 90 thửa đất ở tại khu dân cư Đông Nam mở rộng thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana.

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 1123 /QĐ-UBND, ngày 14 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Krông Ana về việc đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư Đông Nam mở rộng thị trấn Buôn Tráp huyện Krông Ana;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư Đông Nam mở rộng thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Krông Ana thông báo lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản chuyên nghiệp để thực hiện cuộc đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất đối với 90 thửa đất thuộc đất ở tại khu dân cư Đông Nam mở rộng thị trấn Buôn Tráp huyện Krông Ana cụ thể như sau:

1. Tổ chức có tài sản bán đấu giá: Trung tâm Phát triển Quỹ đất.
2. Địa chỉ: 94 Nguyễn Tất Thành, TT Buôn Tráp, huyện Krông Ana.
3. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:
  - Tên tài sản: Quyền sử dụng đất ở.
  - Số lượng thửa đất: Tổng cộng 90 thửa tại khu dân cư Đông Nam mở rộng thị trấn Buôn Tráp, cụ thể các ô như sau:
    - Ô đất LK4 : có 36 thửa đất, Diện tích: 6.295,3 m<sup>2</sup>. Tổng giá khởi điểm 16.000.000.000.
    - Ô đất LK7: có 36 thửa đất, Diện tích: 6.121,7 m<sup>2</sup>. Tổng giá khởi điểm 15.534.000.000.
    - Ô đất BT6 (BT05): có 18 thửa đất, Diện tích: 6.230,9 m<sup>2</sup>. Tổng giá khởi điểm 15.770.000.000.
  - + Tổng diện tích: 18.647,90 m<sup>2</sup> ; Tổng giá khởi điểm: 47.304.000.000  
(Bốn mươi bảy tỷ, ba trăm linh bốn triệu đồng chẵn).
4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:
  - a) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá do Bộ Tư Pháp công bố.

b) Các tiêu chí khác (Phụ lục tiêu chí đánh giá đính kèm).

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

a) Thời gian đăng ký: Từ 14 giờ 00 phút ngày 30/7/2020 đến hết 17h00' ngày 06/08/2020. ( *Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện, hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện, trường hợp gửi trực tiếp thì nhận trong giờ làm việc*).

b) Địa điểm nộp hồ sơ: Trụ sở làm việc của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Ana (94 Nguyễn Chí Thanh);

(*Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu, Giấy chứng minh nhân dân, không hoàn trả hồ sơ đối với những hồ sơ không được lựa chọn*).

**Nơi nhận:**

- Sở TN&MT;
- Công thông tin điện tử của Sở Tài nguyên & MT;
- UBND huyện (để biết và chỉ đạo);
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Y Sen B'ya**

## BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số 04/TB-TTPTQĐ ngày 30/07/2020 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Ana)

### 1. Nhóm tiêu chí chung

Stt	Tiêu chí chung	Yêu cầu	Đánh giá đạt/không đạt
1	Hồ sơ pháp lý	Có Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Đạt/Không đạt
2	Số lượng Đấu giá viên	Có tối thiểu từ 03 (ba) Đấu giá viên trở lên thường xuyên hoạt động điều hành đấu giá tại Đăk Lăk; có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm (Tính trên bằng cấp hoặc giấy tờ chứng minh). - Phải có Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của Đấu giá viên.	Đạt/Không đạt
3	Cán bộ giúp việc	- Có ít nhất từ 02 người trở lên, có thời gian tham gia lĩnh vực đấu giá ít nhất 01 (một) năm; trong đó phải có 01 (một) nhân sự làm công tác kế toán. <i>(hồ sơ chứng minh là Quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng lao động; xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về việc tham gia bảo hiểm các năm 2018-2019).</i>	Đạt/Không đạt
4	Kết quả hoạt động tài chính	Báo cáo tài chính 02 năm (2018-2019) để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh.	Đạt/Không đạt

5	Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước	Báo cáo hoặc xác nhận của Cơ quan Thuế về thực hiện nghĩa vụ tài chính 02 năm (2018-2019).	Đạt/Không đạt
6	Thời gian hoạt động	Có thời gian hoạt động đấu giá liên tục tối thiểu từ 05 năm trở lên (tính từ ngày có Quyết định thành lập Tổ chức đấu giá hoặc Giấy đăng ký hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp).	Đạt/Không đạt
7	Cơ sở vật chất	- Có trụ sở chính hoạt động tại Đắk Lắk; - Có hội trường đấu giá đáp ứng từ 100 chỗ ngồi trở lên.	Đạt/Không đạt
8	Năng lực, kinh nghiệm	Có hồ sơ giới thiệu năng lực đấu giá.	Đạt/Không đạt
9	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	Xây dựng dự thảo Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và Quy chế cuộc đấu giá.	Đạt/Không đạt
10	Thực hiện Hợp đồng đấu giá quyền sử dụng đất 2019.	Đã thực hiện tối thiểu 10 Hợp đồng đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Tổng giá trị các Hợp đồng trên 500 tỷ)	Đạt/Không đạt

*\* Yêu cầu:*

- Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để chứng minh tiêu chí chung.

- Các tiêu chí chung sẽ đánh giá: Đạt/không đạt. Nếu các tổ chức không đạt 1/10 tiêu chí trên thì sẽ bị loại.

## **2. Tiêu chí đánh giá thù lao dịch vụ**

Trường hợp có hai tổ chức trở lên đều đạt 10 tiêu chí chung thì sẽ đánh giá tiếp theo về thù lao dịch vụ.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA**

Số: 1123/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Krông Ana, ngày 14 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư Đông Nam mở rộng  
thị trấn Buôn Trấp huyện Krông Ana**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đấu giá Tài sản số 01/2016/QH14, ngày 17/11/2016;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP, ngày 9/09/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP, ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP, ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên & Môi trường - Bộ Tư pháp về quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá QSDĐ để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;*

*Căn cứ Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND, ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND, ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phát triển quỹ đất trên địa bàn huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-UBND, ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện Krông Ana;*

*Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND, ngày 17/4/2018 của UBND huyện Krông Ana về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng; Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 mở rộng, bổ sung khu dân cư Đông Nam, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana;*

*Căn cứ Quyết định số 1081/QĐ-UBND, ngày 08/5/2020 của UBND huyện Krông Ana về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư Đông nam, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana;*

Xét đề nghị của Trường phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 182/TTr-TCKH ngày 13/5/2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất khu dân cư Đông Nam mở rộng, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana:

1. Danh mục, vị trí, diện tích các thửa đất, hạ tầng kỹ thuật, mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất được quyết định đấu giá:

Danh mục, vị trí, diện tích các thửa đất, mục đích sử dụng đất: (Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Thông tin quy hoạch: Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở theo Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Krông Ana; Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Krông Ana; Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của UBND huyện Krông Ana về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 mở rộng, bổ sung khu dân cư Đông Nam, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana.

3. Tên, địa chỉ của đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Ana, địa chỉ: số 94 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định đấu giá được phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện hợp đồng với Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, thủ trưởng các cơ quan: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trung tâm phát triển quỹ đất, Chi cục Thuế khu vực Krông Ana - Cư Kuin, Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá, UBND thị trấn Buôn Tráp và các Phòng, ban, ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành././.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TNMT.

(để b/c)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Đông**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC, VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH CÁC THỪA ĐẤT, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND huyện)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên thửa đất	Tờ bản đồ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hệ số góc	Giá đất theo QĐ số 43/2014/QĐ-UBND và QĐ số 22/2017/QĐ-UBND (Đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)	Giá đất ở (Đồng/m <sup>2</sup> )	Giá khôi điểm (Đồng/thửa)
<b>I</b>	<b>Ô đất LK 4</b>							
1	Thửa đất số 01	8	259,6	1,1	850.000	3,2	2.750.000	714.000.000
2	Thửa đất số 02	8	150		850.000	2,9	2.500.000	375.000.000
3	Thửa đất số 03	8	150		850.000	2,9	2.500.000	375.000.000
4	Thửa đất số 04	8	150		850.000	2,9	2.500.000	375.000.000
5	Thửa đất số 05	8	150		850.000	2,9	2.500.000	375.000.000
6	Thửa đất số 06	8	150		850.000	2,9	2.500.000	375.000.000
7	Thửa đất số 07	8	150		850.000	2,9	2.500.000	375.000.000
8	Thửa đất số 08	8	247,9	1,1	900.000	3,1	2.750.000	682.000.000
9	Thửa đất số 09	8	167,7		900.000	2,8	2.500.000	419.000.000
10	Thửa đất số 10	8	171		900.000	2,8	2.500.000	428.000.000
11	Thửa đất số 11	8	171		900.000	2,8	2.500.000	428.000.000
12	Thửa đất số 12	8	171		900.000	2,8	2.500.000	428.000.000
13	Thửa đất số 13	8	171		900.000	2,8	2.500.000	428.000.000
14	Thửa đất số 14	8	171		900.000	2,8	2.500.000	428.000.000
15	Thửa đất số 15	8	171		900.000	2,8	2.500.000	428.000.000
16	Thửa đất số 16	8	171		900.000	2,8	2.500.000	428.000.000
17	Thửa đất số 17	8	171		900.000	2,8	2.500.000	428.000.000
18	Thửa đất số 18	8	180,3		900.000	2,8	2.500.000	451.000.000
19	Thửa đất số 19	8	261,1	1,1	900.000	3,1	2.750.000	718.000.000
20	Thửa đất số 20	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
21	Thửa đất số 21	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
22	Thửa đất số 22	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
23	Thửa đất số 23	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
24	Thửa đất số 24	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
25	Thửa đất số 25	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
26	Thửa đất số 26	8	256,4	1,1	850.000	3,2	2.750.000	705.000.000
27	Thửa đất số 27	8	175,9		850.000	2,9	2.500.000	440.000.000
28	Thửa đất số 28	8	174,5		850.000	2,9	2.500.000	436.000.000
29	Thửa đất số 29	8	174,3		850.000	2,9	2.500.000	436.000.000
30	Thửa đất số 30	8	174,2		850.000	2,9	2.500.000	436.000.000
31	Thửa đất số 31	8	174		850.000	2,9	2.500.000	435.000.000
32	Thửa đất số 32	8	173,8		850.000	2,9	2.500.000	435.000.000
33	Thửa đất số 33	8	173,6		850.000	2,9	2.500.000	434.000.000
34	Thửa đất số 34	8	173,5		850.000	2,9	2.500.000	434.000.000
35	Thửa đất số 35	8	173,3		850.000	2,9	2.500.000	433.000.000

STT	Tên thửa đất	Tờ bản đồ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hệ số góc	Giá đất theo QĐ số 43/2014/QĐ-UBND và QĐ số 22/2017/QĐ-UBND (Đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)	Giá đất ở (Đồng/m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (Đồng/thửa)
36	Thửa đất số 36	8	187,2		850.000	2,9	2.500.000	468.000.000
	<b>Tổng LK4</b>		<b>6.295,3</b>					<b>16.000.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Ô đất LK 7</b>							
1	Thửa đất số 01	8	215,7	1,1	800.000	3,4	2.750.000	593.000.000
2	Thửa đất số 02	8	144		800.000	3,1	2.500.000	360.000.000
3	Thửa đất số 03	8	144		800.000	3,1	2.500.000	360.000.000
4	Thửa đất số 04	8	144		800.000	3,1	2.500.000	360.000.000
5	Thửa đất số 05	8	144		800.000	3,1	2.500.000	360.000.000
6	Thửa đất số 06	8	144		800.000	3,1	2.500.000	360.000.000
7	Thửa đất số 07	8	144		800.000	3,1	2.500.000	360.000.000
8	Thửa đất số 08	8	195,8	1,1	800.000	3,4	2.750.000	538.000.000
9	Thửa đất số 09	8	213,7		900.000	2,8	2.500.000	534.000.000
10	Thửa đất số 10	8	168		900.000	2,8	2.500.000	420.000.000
11	Thửa đất số 11	8	169,3		900.000	2,8	2.500.000	423.000.000
12	Thửa đất số 12	8	170,7		900.000	2,8	2.500.000	427.000.000
13	Thửa đất số 13	8	172		900.000	2,8	2.500.000	430.000.000
14	Thửa đất số 14	8	173		900.000	2,8	2.500.000	433.000.000
15	Thửa đất số 15	8	174,6		900.000	2,8	2.500.000	437.000.000
16	Thửa đất số 16	8	176		900.000	2,8	2.500.000	440.000.000
17	Thửa đất số 17	8	177,3		900.000	2,8	2.500.000	443.000.000
18	Thửa đất số 18	8	178,6		900.000	2,8	2.500.000	447.000.000
19	Thửa đất số 19	8	262,7	1,1	900.000	3,1	2.750.000	722.000.000
20	Thửa đất số 20	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
21	Thửa đất số 21	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
22	Thửa đất số 22	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
23	Thửa đất số 23	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
24	Thửa đất số 24	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
25	Thửa đất số 25	8	150		900.000	2,8	2.500.000	375.000.000
26	Thửa đất số 26	8	246,4	1,1	900.000	3,1	2.750.000	678.000.000
27	Thửa đất số 27	8	162		900.000	2,8	2.500.000	405.000.000
28	Thửa đất số 28	8	162		900.000	2,8	2.500.000	405.000.000
29	Thửa đất số 29	8	162		900.000	2,8	2.500.000	405.000.000
30	Thửa đất số 30	8	162		900.000	2,8	2.500.000	405.000.000
31	Thửa đất số 31	8	162		900.000	2,8	2.500.000	405.000.000
32	Thửa đất số 32	8	162		900.000	2,8	2.500.000	405.000.000
33	Thửa đất số 33	8	162		900.000	2,8	2.500.000	405.000.000
34	Thửa đất số 34	8	162		900.000	2,8	2.500.000	405.000.000
35	Thửa đất số 35	8	162		900.000	2,8	2.500.000	405.000.000
36	Thửa đất số 36	8	205,6		900.000	2,8	2.500.000	514.000.000
	<b>Tổng LK 7</b>		<b>6.121,7</b>					<b>15.534.000.000</b>





Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk  
Email: ubnd@daklak.gov.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1643 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 7 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại Khu dân cư Đông Nam, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 182/TTr-STC ngày 20 tháng 7 năm 2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại Khu dân cư Đông Nam, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk (chi tiết như Phụ lục kèm theo).

Giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật (nếu có) và có giá trị đến hết ngày 31/12/2020. Sau khi nhận quyết định giá khởi điểm của UBND tỉnh, UBND huyện Krông Ana khẩn trương triển khai đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu giá đất trên không còn phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường (tăng hoặc giảm) trong điều kiện bình thường, UBND huyện Krông Ana có trách nhiệm lập lại phương án giá gửi cơ quan có chức năng xác định giá khởi điểm để xem xét, đề xuất UBND tỉnh quyết định; báo cáo kết quả đấu giá quyền sử dụng đất gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

**Điều 2.** Giao UBND huyện Krông Ana lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản để tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại Khu dân cư Đông Nam, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana theo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Krông Ana và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. *Phạm Ngọc Nghị*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (XTn 20 b).



CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

**PHỤ LỤC**  
**GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ TỎ CHỨC ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**CÁC THỪA ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ ĐÔNG NAM, THỊ TRẤN BUÔN TRÁP,**  
**HUYỆN KRÔNG ANA**

(Kèm theo Quyết định số **1643** /QĐ-UBND ngày **23** / **7** /2020 của UBND tỉnh)

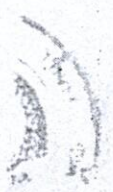
S T T	Tên thửa đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hệ số góc	Giá đất ở theo QĐ số 22/2020/QĐ- UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)	Giá đất ở (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng/thửa)
<b>I</b>	<b>Khu đất LK-04</b>						
1	Thửa đất số 01	259.60	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	714.000.000
2	Thửa đất số 02	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
3	Thửa đất số 03	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
4	Thửa đất số 04	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
5	Thửa đất số 05	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
6	Thửa đất số 06	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
7	Thửa đất số 07	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
8	Thửa đất số 08	247.90	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	682.000.000
9	Thửa đất số 09	167.70	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	419.000.000
10	Thửa đất số 10	171.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	428.000.000
11	Thửa đất số 11	171.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	428.000.000
12	Thửa đất số 12	171.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	428.000.000
13	Thửa đất số 13	171.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	428.000.000
14	Thửa đất số 14	171.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	428.000.000
15	Thửa đất số 15	171.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	428.000.000
16	Thửa đất số 16	171.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	428.000.000
17	Thửa đất số 17	171.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	428.000.000
18	Thửa đất số 18	180.30	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	451.000.000
19	Thửa đất số 19	261.10	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	718.000.000
20	Thửa đất số 20	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
21	Thửa đất số 21	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
22	Thửa đất số 22	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
23	Thửa đất số 23	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
24	Thửa đất số 24	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
25	Thửa đất số 25	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
26	Thửa đất số 26	256.40	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	705.000.000
27	Thửa đất số 27	175.90	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	440.000.000
28	Thửa đất số 28	174.50	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	436.000.000
29	Thửa đất số 29	174.30	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	436.000.000
30	Thửa đất số 30	174.20	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	436.000.000
31	Thửa đất số 31	174.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	435.000.000
32	Thửa đất số 32	173.80	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	435.000.000
33	Thửa đất số 33	173.60	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	434.000.000
34	Thửa đất số 34	173.50	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	434.000.000
35	Thửa đất số 35	173.30	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	433.000.000

*Handwritten signature*

36	Thửa đất số 36	187.20	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	468.000.000
<b>II Khu đất LK-07</b>							
1	Thửa đất số 01	215.70	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	593.000.000
2	Thửa đất số 02	144.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	360.000.000
3	Thửa đất số 03	144.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	360.000.000
4	Thửa đất số 04	144.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	360.000.000
5	Thửa đất số 05	144.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	360.000.000
6	Thửa đất số 06	144.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	360.000.000
7	Thửa đất số 07	144.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	360.000.000
8	Thửa đất số 08	195.80	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	538.000.000
9	Thửa đất số 09	213.70	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	534.000.000
10	Thửa đất số 10	168.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	420.000.000
11	Thửa đất số 11	169.30	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	423.000.000
12	Thửa đất số 12	170.70	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	427.000.000
13	Thửa đất số 13	172.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	430.000.000
14	Thửa đất số 14	173.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	433.000.000
15	Thửa đất số 15	174.60	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	437.000.000
16	Thửa đất số 16	176.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	440.000.000
17	Thửa đất số 17	177.30	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	443.000.000
18	Thửa đất số 18	178.60	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	447.000.000
19	Thửa đất số 19	262.70	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	722.000.000
20	Thửa đất số 20	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
21	Thửa đất số 21	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
22	Thửa đất số 22	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
23	Thửa đất số 23	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
24	Thửa đất số 24	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
25	Thửa đất số 25	150.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	375.000.000
26	Thửa đất số 26	246.40	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	678.000.000
27	Thửa đất số 27	162.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	405.000.000
28	Thửa đất số 28	162.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	405.000.000
29	Thửa đất số 29	162.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	405.000.000
30	Thửa đất số 30	162.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	405.000.000
31	Thửa đất số 31	162.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	405.000.000
32	Thửa đất số 32	162.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	405.000.000
33	Thửa đất số 33	162.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	405.000.000
34	Thửa đất số 34	162.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	405.000.000
35	Thửa đất số 35	162.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	405.000.000
36	Thửa đất số 36	205.60	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	514.000.000
<b>III Khu đất BT6 (BTA5)</b>							
1	Thửa đất số 01	484.10	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	1.331.000.000
2	Thửa đất số 02	360.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	900.000.000
3	Thửa đất số 03	360.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	900.000.000
4	Thửa đất số 04	477.70	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	1.314.000.000
5	Thửa đất số 05	289.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	723.000.000
6	Thửa đất số 06	285.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	713.000.000
7	Thửa đất số 07	285.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	713.000.000
8	Thửa đất số 08	285.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	713.000.000
9	Thửa đất số 09	293.40	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	734.000.000
10	Thửa đất số 10	481.30	1.1	1.300.000	1.92	2.500.000	1.324.000.000
11	Thửa đất số 11	360.00	1.0	1.300.000	1.92	2.500.000	900.000.000

12	Thửa đất số 12	360,00	1,0	1.300.000	1,92	2.500.000	900.000.000
13	Thửa đất số 13	477,70	1,1	1.300.000	1,92	2.500.000	1.314.000.000
14	Thửa đất số 14	288,80	1,0	1.300.000	1,92	2.500.000	722.000.000
15	Thửa đất số 15	283,30	1,0	1.300.000	1,92	2.500.000	708.000.000
16	Thửa đất số 16	283,40	1,0	1.300.000	1,92	2.500.000	709.000.000
17	Thửa đất số 17	283,60	1,0	1.300.000	1,92	2.500.000	709.000.000
18	Thửa đất số 18	293,30	1,0	1.300.000	1,92	2.500.000	733.000.000

*[Handwritten mark]*



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1081/QĐ-UBND

Krông Ana, ngày 08 tháng 5 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư  
Đông Nam mở rộng, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đấu giá Tài sản số 01/2016/QH14, ngày 17/11/2016;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP, ngày 9/09/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP, ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP, ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên & Môi trường - Bộ Tư pháp về quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá QSDĐ để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;*

*Căn cứ Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND, ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND, ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phát triển quỹ đất trên địa bàn huyện;*

*Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-UBND, ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn huyện Krông Ana;*

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của UBND huyện Krông Ana về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 mở rộng, bổ sung khu dân cư Đông Nam, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 68/TTr-TNMT ngày 6/5/2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 90 thửa đất tại khu dân cư Đông Nam mở rộng, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana như sau:

#### **1. Danh mục loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng kỹ thuật khu đất lập phương án đấu giá**

- Loại đất đấu giá: Đất ở đô thị;
- Tổng số thửa đất: 90 thửa đất (lô LK4, LK7, BT6);
- Danh mục loại đất: Thuộc quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất;
- Tổng diện tích đất đấu giá là: 18.647,7 m<sup>2</sup>;
- Vị trí khu đất: Tổ dân phố 3, khu dân cư Đông Nam, thị trấn Buôn Tráp (ranh giới khu đất được xác định theo sơ đồ điều chỉnh cục bộ kèm theo Quyết định số 837/QĐ-UBND, ngày 17/4/2018 của UBND huyện Krông Ana);
- Hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông, quy hoạch mương thoát nước và điện chiếu sáng; cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh.

#### **2. Mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng của các thửa đất đấu giá**

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị.
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.

#### **3. Dự kiến thời gian tổ chức cuộc đấu giá**

- Từ tháng 6 năm 2020
- Địa điểm bán hồ sơ: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Krông Ana, địa chỉ số 94 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana.

#### **4. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất:**

- Đối tượng: Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định của Luật đất đai có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư hoặc làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Điều kiện tham gia đấu giá:

Có đơn đề nghị được tham gia đấu giá theo mẫu do tổ chức của Nhà nước có chức năng đấu giá quyền sử dụng đất phát hành, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch và nộp tiền theo đúng thời hạn quy định.

Một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá; một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá.

Các đối tượng tham gia đấu giá phải thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ đăng ký và nộp khoản tiền đặt trước, phí đấu giá.

#### **5. Mức phí tham gia đấu giá:**

- Mức tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá: Thực hiện theo khoản 2, Điều 3, Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính.

- Các loại phí, lệ phí, chi phí liên quan để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thực hiện theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 của HĐND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định về mức thu các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nộp tiền đặt trước là 15% mức giá khởi điểm của lô (thửa) đất đăng ký, thời gian, địa điểm theo Thông báo đấu giá của đơn vị đấu giá.

#### **6. Giá khởi điểm:**

Giá khởi điểm: 2.500.000đ/m<sup>2</sup>.

#### **7. Hình thức đấu giá được áp dụng khi thực hiện cuộc bán đấu giá:**

Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại cuộc đấu giá, phương thức trả giá lên.

#### **8. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc bán đấu giá:**

Chi phí cho hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất: Theo Điều 5, Điều 6, Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính; khung thù lao dịch vụ đấu giá: Theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính.

Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá: Theo Điều 3, Điều 4 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính.

#### **9. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá:**

- Giá khởi điểm của các thửa đất dự kiến: 37.548.000.000 đồng.

- Đề xuất việc sử dụng nguồn thu: Nộp vào ngân sách huyện Krông Ană theo quy định.

#### **10. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá:**

Thực hiện theo Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính.

**11. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất:**

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Krông Ana.

**12. Phê duyệt kết quả đấu giá và thời hạn nộp tiền sử dụng đất:**

- Sau khi tổ chức cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất thành công, đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá chuyển toàn bộ hồ sơ bán đấu giá lại cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện gửi hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để trình UBND huyện ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- Trình tự, nội dung phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-BTNMT-BTP.

- Trong thời gian 45 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo của cơ quan thuế, người trúng đấu giá phải nộp 100% số tiền trúng đấu giá vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

**Điều 2. Giao Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Krông Ana**

- Chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị trấn Buôn Tráp chuẩn bị hồ sơ của các lô (thửa) đất đấu giá để trình phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất.

- Phối hợp với Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất xây dựng nội quy phiên đấu giá để tổ chức đấu giá theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, thủ trưởng các cơ quan: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trung tâm phát triển quỹ đất, Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá, UBND thị trấn Buôn Tráp và các phòng, ban có liên quan của huyện căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3; (để thực hiện)
- TT Huyện ủy; | (để b/c)
- TT HĐND huyện; |
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**★ Nguyễn Minh Đông**

Ký bởi: Ủy ban nhân dân huyện Krông Ana  
Email: krongana@daklak.gov.vn  
Cơ quan: Huyện Krông Ana, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày ký: 08.05.2020 09:59:40 +07:00